TÒA ÁN NHÂN D **HUYỆN GD** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 60/2019/ST-DS Ngày: 16-10-2019 V/v "Tranh chấp D sự về hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân D:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh;

2. Ông Đỗ Trường Tam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư- Thư ký Tòa án nhân D huyện Gò Dầu, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện GD tham gia phiên tòa:

Ông Võ Văn Sỹ- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019, về "Tranh chấp D sự về hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Anh Dương Văn D (Đâu), sinh năm: 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 21, ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh TN (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Trần Quốc P, sinh năm: 1978 (vắng mặt).
2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 21, ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-8 -2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Dương Văn D trình bày:

Anh với anh Trần Quốc P và chị Nguyễn Thị T là hàng xóm với nhau. Anh yêu cầu vợ chồng anh P và chị T trả cho anh số tiền vay 27.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Cụ thể:

Ngày 02-9-2018 (âm lịch), anh có cho anh P và chị T vay 17.000.000 đồng, mục đích vay để buôn bán T gia đình, lãi suất 6%/tháng, vay tạm khi nào có tiền sẽ trả, vay có làm giấy nợ do anh P ký tên. Anh P và chị T đã trả tiền lãi tháng 10, 11 và 12 năm 2018 (âm lịch) với số tiền 3.060.000 đồng. Đến ngày 25-12-2018 (âm lịch), vợ chồng anh P vay tiền góp 12.000.000 đồng, thời hạn góp là 02 tháng, không làm giấy vay tiền. Thực tế anh P chỉ nhận số tiền là 10.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng là tiền lãi. Từ ngày vay thì vợ chồng anh P chưa góp được số tiền nào nên anh tính 2.000.000 đồng là tiền lãi từ ngày vay đến nay.

Từ tháng 01 năm 2019 (âm lịch) cho đến nay vợ chồng anh P trả cho anh 2.000.000 đồng, giữa các bên không nói tiền gốc hay lãi nhưng anh trừ vào số tiền gốc. Ngoài ra, vợ chồng anh P không trả thêm khoản tiền nào nữa. Việc anh P vay tiền chị T có biết, vay để buôn bán hạt tiêu. Hiện anh chị còn sống chung nhà tại ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 06-9-2019 và biên bản hòa giải ngày 16-9-2019, bị đơn anh Trần Quốc P trình bày:

Anh đồng ý với toàn bộ lời trình bày của anh D. Do thời gian lâu và anh không ghi sổ nên anh không nhớ rõ. Giấy nợ ngày 02-9-2018 (âm lịch) xác nhận có nợ 17.000.000 đồng là vay nhiều lần sau đó gút nợ lại, lãi suất 15%/tháng. Tuy nhiên anh không có chứng cứ gì chứng minh và không có ai làm chứng. Khi vay thỏa thuận khi nào có tiền sẽ trả, anh có trả tiền lãi nhưng không đầy đủ và cũng không nhớ đã trả được số tiền bao nhiêu.

Ngày 25-12-2018 (âm lịch), anh có vay tiền góp 12.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ nhận 10.000.000 đồng vì 2.000.000 đồng là tiền lãi. Góp T vòng 02 tháng nhưng anh không góp được số tiền nào. Hai bên không làm giấy vay tiền cũng không ai làm chứng.

Sau đó anh có trả cho anh D 1.000.000 đồng, vợ anh trả cho anh D 1.000.000 đồng, tổng cộng 2.000.000 đồng. Anh D trừ vào số tiền gốc là 29.000.000 đồng thì anh cũng đồng ý. Như vậy, số tiền còn nợ là 27.000.000 đồng. Số tiền lãi đã trả anh không yêu cầu giải quyết lại.

Khi anh vay tiền thì vợ anh đều biết nhưng anh là người trực tiếp nhận tiền, anh vay tiền để mua bán hạt tiêu. Anh làm ăn buôn bán đều phục vụ nhu cầu sinh hoạt T gia đình. Vợ chồng anh nợ nhiều người, hiện không có khả năng trả cho anh D nên xin

được trả dần 300.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Đồng thời anh yêu cầu 01 mình anh trả nợ cho anh D.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 06-9-2019, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị xác nhận anh P có vay anh D số tiền là 29.000.000 đồng, sau đó anh chị đã trả được số tiền là 2.000.000 đồng. Chị xác định không liên quan số nợ giữa anh D và anh P, chị yêu cầu anh P có nghĩa vụ trả nợ cho anh D, chị không đồng ý cùng anh P trả nợ cho anh D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện GD phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng D sự T quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng T quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng D sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D. Buộc anh P và chị T có nghĩa vụ trả cho anh D 27.000.000 đồng. Ghi nhận anh D không yêu cầu tính lãi suất. Anh P và chị T phải chịu án phí D sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Quốc P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng D sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án T trường hợp bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện anh yêu cầu anh P và chị T trả cho anh 29.000.000 đồng nợ vay nhưng tại phiên tòa anh thừa nhận vợ chồng anh P có trả được 2.000.000 đồng nợ gốc nên anh sửa đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu anh P và chị T trả cho anh 27.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[2.1] Đối với khoản vay 17.000.000 đồng: Giấy nợ ngày 02-9-2018 (âm lịch) không thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất, nhưng các bên có tự thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng, anh D thừa nhận anh P và chị T đã trả lãi được 03 tháng với số tiền 3.060.0000 đồng thì ngưng không tiếp tục trả lãi và nợ gốc. Anh D nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng đến nay vợ chồng anh P không trả lãi và nợ gốc. Như vậy anh D đã thực hiện việc báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật D sự và phía anh P và chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi.

[2.2] Đối với khoản vay 12.000.000 đồng: Tuy không lập hợp đồng vay, nhưng các bên thống nhất vay ngày 25-12-2018 (âm lịch), trả góp T thời hạn 02 tháng. Thực tế vợ chồng anh P chỉ nhận được số tiền 10.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng là tiền lãi. Từ ngày vay vợ chồng anh P chưa góp được số tiền nào. Hai bên thống nhất tính 2.000.000 đồng là tiền lãi từ ngày vay đến hôm nay đồng thời thống nhất tiền lãi đã trả không yêu cầu giải quyết lại. Từ đó cho thấy anh P và chị T có vay tiền anh D nhưng đã quá hạn trả nợ mà không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng quyền lợi của anh D.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Tuy chị T không đồng ý cùng có nghĩa vụ với anh P trả nợ cho anh D nhưng chị biết chồng chị là anh P vay anh D số tiền 29.000.000 đồng, chị thừa nhận có xin anh D trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và anh chị có trả cho anh D được 02 tháng với số tiền 2.000.000 đồng. Như vậy số tiền còn nợ là 27.000.000 đồng. Mặt khác, anh chị là vợ chồng còn sống chung nhà, mục đích vay tiền để buôn bán, thu nhập có được từ việc buôn bán là để chi dùng T gia đình nên cần buộc chị T cùng có nghĩa vụ trả nợ với anh P.

[4] Về tính lãi: Anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Do anh D được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên anh P và chị T phải chịu án phí D sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng D sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật D sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng D sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn D đối với anh Trần Quốc P và chị Nguyễn Thị T.

Buộc anh P và chị T có nghĩa vụ trả cho anh D số tiền 27.000.000 đồng.

Ghi nhận anh D không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ khi anh D có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh P và chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật D sự.

2. Về án phí: Anh P và chị T phải chịu 1.350.000 đồng án phí D sự sơ thẩm. Hoàn trả anh D 725.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009558 ngày 07-08-2019 của Chi cục Thi hành án D sự huyện GD.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự, thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo T thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo T hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CC THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

.... **Trương Thị Bình**